

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Nguyễn Yên Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Như Thắm

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên  
tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 08/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Hồ Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 89, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên hệ: Ấp 11, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

**- Bị đơn:** Chị Bùi Thị Mỹ T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị Mỹ T1 kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/4/2014, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay.

Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị T1 nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Hồ Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ

T1

- Về con chung: Anh Hồ Văn T và chị Bùi Thị Mỹ T1 có 1 con chung: Hồ Minh T2, sinh ngày 21/9/2015. Anh T yêu cầu để chị T1 trực tiếp nuôi cháu T2, anh T không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Anh Hồ Văn T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Hồ Văn T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị Mỹ T1 đến để tiến hành hòa giải nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

*Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,*

Nguyên đơn anh Hồ Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn chị Bùi Thị Mỹ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Bùi Thị Mỹ T1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Hồ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ T1 và yêu cầu để chị T1 trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn chị Bùi Thị Mỹ T1 hiện đang cư trú tại ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Anh Hồ Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

- Bị đơn chị Bùi Thị Mỹ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ

vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T và chị Bùi Thị Mỹ T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/4/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, anh T cho rằng anh và chị T1 bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, anh chị đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị T1 nữa nên xin được ly hôn. Về phía chị T1, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ chị T1 tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T1 đã không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Qua đó, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn; chị T1 có thái độ bỏ mặc, không hề có ý mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Hồ Văn T và chị Bùi Thị Mỹ T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Anh Hồ Văn T và chị Bùi Thị Mỹ T1 có 1 con chung là Hồ Minh T2, sinh ngày 21/9/2015. Anh T khai con hiện đang sống với chị T1 nên anh yêu cầu để chị T1 trực tiếp nuôi con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Hồ Minh T2 còn nhỏ, hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định; phía chị T1 cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Bùi Thị Mỹ T1 là người trực tiếp nuôi cháu Hồ Minh T2 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Đồng thời, xét thấy chị Bùi Thị Mỹ T1 không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T1 có quyền khởi kiện yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng một vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Hồ Văn T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Hồ Văn T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Hồ Văn T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn T đối với bị đơn chị Bùi Thị Mỹ T1, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ T1.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Mỹ T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Minh T2, sinh ngày 21/9/2015 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Chị T1 không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hồ Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T1 có quyền khởi kiện yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn bằng một vụ kiện khác.

Sau khi ly hôn, anh Hồ Văn T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Hồ Văn T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Hồ Văn T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Hồ Văn T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008108 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Hồ Văn T và chị Bùi Thị Mỹ T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nguyễn Yến Phương**